

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT

Ngày 05 - 12 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con và chia tài sản  
chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Phụng

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Võ Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Thanh  
Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2022/TLPT - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 49/2022/HNGĐ - ST, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐ - PT ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1989. (Có mặt)

*Địa chỉ:* Ấp Long Phụng A, xã Hiệp Hưng, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982. (Có mặt)

*Trú tại:* Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Thanh D là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Thanh D, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

*Địa chỉ:* Phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:* Nguyên đơn và bị đơn tự tìm hiểu một thời gian sau đó đi đến chung sống, có tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương năm 2008 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cả hai không còn quan tâm chăm sóc yêu thương lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với bị đơn; Về con chung, có hai người con chung gồm: cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/8/2011, sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:* Về quan hệ hôn nhân thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống. Do nguyên đơn có người đàn ông khác bên ngoài, bị đơn không đồng ý ly hôn; Về con chung, có hai người con chung: cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/8/2011. Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản thì yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền 101.000.000 đồng từ tiền đưa cho nguyên đơn gồm 5.000.000 đồng chuyển khoản và 197.000.000 đồng tiền bán bò; Về nợ chung không có.

Tại văn bản nêu ý kiến của các cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/8/2011. Thì các cháu có nguyện vọng được sống chung với bị đơn nhưng sau đó cháu Nguyễn Thị Ngọc Y thay đổi ý kiến có nguyện vọng được sống chung với nguyên đơn.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 49/2022/HNGĐ - ST, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T với bị đơn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ),

sinh ngày 02/8/2011. Chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/tháng đối với cháu H đến khi đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn B, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T giao cho bị đơn anh Nguyễn Văn B số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng); không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 197.000.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

4. Về nợ chung nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 24/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn kháng có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc nguyên đơn trả số tiền 202.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày quan điểm: Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên giao hai cháu H và Y cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó, anh B không nhất thiết kháng cáo tranh chấp quyền nuôi con. Đối với số tiền 197.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng tiết kiệm được trong thời gian sống chung với nhau. Anh B giao cho chị T giữ, nên chị T có trách nhiệm chia cho anh B 1/2 số tiền 197.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát không thống nhất với Quyết định số 03/2022/QĐ - SCBSBA, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, về việc sửa chữa, bổ sung Bản án số 49/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022. Vì không thuộc trường hợp được sửa chữa. Tại phần nhận định Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về việc xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Y muốn sống cùng với chị Nguyễn Thị Huyền T. Nhưng phần quyết định lại tuyên xử giao cả hai cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Ngọc Y cho anh Nguyễn Văn

B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung.

Đối với số tiền 197.000.000 đồng, bị đơn anh Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T chia đôi, nhưng không chứng minh được có số tiền 197.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với phần tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn B, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng theo qui định pháp luật. Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn chia tài sản chung số tiền 202.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung” là đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Văn B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc nguyên đơn trả số tiền 202.000.000 đồng cho bị đơn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Y để bị đơn được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

#### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân**

Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện chung sống với nhau, có làm lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, đúng với quy định tại các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

#### **[2.2] Về con chung**

Tại Bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn như sau: Nhận định theo hướng xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, muốn được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Huyền T. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn H muốn sống cùng cha là anh Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm, quyết định giao cả hai cháu Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Ngọc Y cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tại Quyết định số 03/2022/QĐ - SCBSBA, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, về việc sửa chữa, bổ sung Bản án số 49/2022/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 5 năm 2022. Theo quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sai sót về nội dung không được sửa chữa. Hội đồng xét xử không chấp nhận Quyết định số 03/2022/ QĐ - SCBSBA, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo ngày 24 tháng 5 năm 2022 có kháng cáo nội dung về dành quyền nuôi con chung đối với cả hai cháu H và Y. Anh B đã thực hiện đầy đủ quyền kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không nhất thiết phải hủy Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm với sai sót mà Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nhận định trên.

Trong thời gian chung sống với nhau giữa nguyên đơn và bị đơn có hai con chung gồm cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/8/2011, hai cháu sinh sống ổn định với bị đơn anh Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, đến ngày 14/3/2022 cháu Y có văn bản nêu ý kiến, có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Huyền T. Xét thấy, các con chung của nguyên đơn và bị đơn đã trên 07 tuổi, nên phải xem xét nguyện vọng của các cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận giao cháu Y cho chị T; giao cháu H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

### *[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T không có yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở. Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là cần thiết để đảm bảo nuôi dưỡng con chung nên được chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con chung nếu chị T không đủ điều kiện đảm bảo về mọi mặt cho cháu Y thì chị vẫn có quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hoặc các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly

hôn, nếu chứng minh được các bên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung (Theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn H, mỗi tháng 745.000 đồng, nhưng không buộc nguyên đơn phải chịu án phí cấp dưỡng là tH sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*[2.4] Về tài sản chung*

Giữa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận không có văn bản thỏa thuận tài sản chung hay riêng trong quá trình chung sống. Nhưng cả chị T và anh B đều thống nhất tài sản tạo ra là tài sản chung. Như vậy, anh B chuyển tiền 5.000.000 đồng cho chị T, chị T đã thừa nhận tiêu xài cá nhân nên chị có trách nhiệm trả lại cho anh B 2.500.000 đồng. Đối với số tiền 197.000.000 đồng từ nguồn thu nhập bán bò, anh B kháng cáo yêu cầu chị T chia 1/2, nhưng không chứng minh được nguyên đơn đang quản lý. Mặt khác, chị T không thừa nhận là người trực tiếp quản lý số tiền này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B.

[2.5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn B.

Sửa bản án sơ thẩm.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T với bị đơn anh Nguyễn Văn B.

[2]. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn H (giới tính nam), sinh ngày 11/9/2009 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Y (giới tính nữ), sinh ngày 02/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn B, không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng

Chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/tháng đối với cháu H đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[4]. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T giao cho bị đơn anh Nguyễn Văn B số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng); không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 197.000.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

[5]. Về nợ chung nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí Hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008967 ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.050.000 đồng theo biên lai số 0009098 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí. Bị đơn được

nhận lại số tiền 4.750.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[8]. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, anh B đã nộp theo biên lai số 0008154 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 05/12/2022).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phụng**